

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2019

Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Tấn Đạt

2. Ông Lê Hoàng Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2018/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp VT, xã H, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/9/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Thanh Đ (sau đây gọi tắt là bà H, ông Đ) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Vĩnh Thuận (nay thuộc huyện T), tỉnh Kiên Giang vào ngày 28/8/2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Đ có quan hệ tình cảm với người

phụ nữ khác, không lo làm ăn và thường xuyên cờ bạc, ông Đ nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình đối với bà H. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà H và ông Đ được 03 người con chung tên: Lê Thị Kiều Diễm, sinh năm 1996 (đã trưởng thành), Lê Thị Bích Châm, sinh ngày 29/12/2005, giới tính nữ và Lê Thanh Nghiêm, sinh ngày 24/10/2012, giới tính nam (hiện các con đang sống với bà H). Vợ chồng ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Thị Bích Châm và Lê Thanh Nghiêm, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 15/10/2018 cháu Lê Thị Bích Châm và Lê Thanh Nghiêm có nguyện vọng được sống với mẹ là bà H khi cha mẹ ly hôn.

Về chia tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Thanh Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân (phô tô) và giấy trích lục khai sinh Lê Thị Kiều Diễm, Lê Thị Bích Châm và Lê Thanh Nghiêm (bản sao), đơn xác nhận nơi cư trú, bản tự khai ngày 15/10/2018 của bà Nguyễn Thị H, bản tự khai ngày 15/10/2018 của cháu Lê Thị Bích Châm và cháu Lê Thanh Nghiêm.

Bị đơn cung cấp: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Thanh Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ông Đ cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông Lê Thanh Đ.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa bà H và ông Đ là hợp pháp. Tại phiên tòa bà H trình bày lý do xin ly hôn là do ông Đ điều thường hay đánh bạc, không lo làm ăn và chăm lo gia đình. Trong quá trình chung sống ông Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng bà H kiên quyết xin ly hôn, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông Đ không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho bà H được ly hôn với ông Đ.

[3]. *Về con chung*: Bà H và ông Đ có 03 người con chung. Trong đó 01 người con đã trưởng thành, hai người con còn lại là Lê Thị Bích Châm, sinh ngày 29/12/2005 và Lê Thanh Nghiêm, sinh ngày 24/10/2012. Tại bản tự khai ngày 15/10/2018 cháu Châm và cháu Nghiêm có nguyện vọng được sống với mẹ là bà H. Tại phiên tòa bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung là Lê Thị Bích Châm và Lê Thanh Nghiêm, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà H và nguyện vọng của cháu Châm và cháu Nghiêm là có căn cứ vì từ khi bà H và ông Đ ly thân đến nay bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng các con nên HĐXX thống nhất giao cháu Châm và cháu Nghiêm cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đ có quyền và nghĩa vụ tới lui trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

[4]. *Về chia tài sản chung*: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0004326 ngày 21/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về

án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Thanh Đ.

2. *Về con chung*: Giao 02 con chung của bà H và ông Đ tên Lê Thị Bích Châm, sinh ngày 29/12/2005, giới tính nữ và Lê Thanh Nghiêm, sinh ngày 24/10/2012, giới tính nam cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đ có quyền và nghĩa vụ tới lui trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. *Về chia tài sản chung*: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0004326 ngày 21/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh KG;
- VKS ND huyện UMT;
- Chi cục THA huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh

